

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN GÒ CÔNG TÂY  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **160/2017/HNGĐ-ST**.  
Ngày: 19/5/2017.  
V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY – TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Nguyễn Cao Tuấn**;

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà **Ngô Thị Thu Thủy**;

2. Bà **Nguyễn Thị Thúy Loan**;

*- Thư ký phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Thơm** – Thư ký tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây;

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây tham gia phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Kim Hồng** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 5 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 67/2017/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2017 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2017/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **TRƯƠNG THỊ D** – sinh năm 1975 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp X, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: **VÕ TẤN H** - sinh năm 1974 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp X, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Trong đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Trương Thị D trình bày:

Chị và anh Võ Tấn H cưới nhau vào năm 1993, được sự tự nguyện và có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh H có quan hệ với người phụ nữ khác nên chị và anh H đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Nay chị xin được ly hôn với anh H.

Về con chung: có 02 con chung tên Võ Công H1 – sinh năm 1995 và Võ Công H2 – sinh năm 2001, hiện cháu H1 đã trưởng thành nên chị không có yêu cầu gì, riêng cháu H2 chị để anh H tiếp tục nuôi, chị không cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

\* Bị đơn anh Võ Tấn H mặc dù đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng và đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây phát biểu về việc tuân theo tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án.

- Về việc tuân theo tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, đương sự thực hiện đúng trình tự, qui định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến trình bày của đương sự, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử xác định quan hệ các bên đang tranh chấp là “Ly hôn, nuôi con chung” cần được xem xét, giải quyết theo Điều 56, Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Xét bị đơn anh Võ Tấn H mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án; Thông báo phiên hòa giải và Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ lần 1, lần 2; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh H vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử căn cứ vào điều 227, 228, 233 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh H.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị D và anh Võ Tấn H cưới nhau vào năm 1993, được sự tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào năm 2012 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh H có quan hệ với người phụ nữ khác nên chị D và anh H đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Nay chị D xin được ly hôn với anh H. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn

vợ chồng giữa chị D và anh H không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Mặc dù anh H đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng anh H vẫn không trình bày ý kiến cũng như đến Tòa để giải quyết theo yêu cầu khởi kiện của chị Nhung. Điều đó cho thấy anh H không còn quan tâm đến hạnh phúc gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin được ly hôn của chị Trương Thị D.

[4] Về con chung: Chị D khai có 02 con chung tên Võ Công H1 – sinh năm 1995 hiện cháu đã trưởng thành nên chị không có yêu cầu gì. Đối với cháu Võ Công H2– sinh năm 2001 chị để anh H tiếp tục nuôi, chị không cấp dưỡng. Xét việc chị D đồng ý để cháu H2 cho anh H nuôi là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật và hiện tại cháu H2 cũng đang sống chung với anh H nên Hội đồng xét xử để anh H tiếp tục nuôi cháu H2.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, nếu sau này có tranh chấp Tòa án sẽ thụ lý bằng vụ kiện khác.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị D không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Nếu sau này các bên có tranh chấp Tòa án sẽ thụ lý bằng vụ án khác.

Xét ý kiến và đề nghị của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào các Điều 227, 228, 233, 244 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào các Điều 56, 57 và 58 Luật hôn nhân gia đình;
- Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trương Thị D được ly hôn với anh Võ Tấn H.

2. Về con chung: Giao cháu Võ Công H2– sinh ngày 20/7/ 2001 cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng. Chị D không phải cấp dưỡng nuôi con và chị được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung.

3. Về án phí: Chị Trương Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo

biên lai số 38448 ngày 28/02/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây, nên chị D đã nộp xong án phí.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Gò Công Tây;
- CCTHADS huyện Gò Công Tây;
- Ủy ban nhân dân xã B;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Cao Tuấn**